|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG …….**  **TỔ: TOÁN** | **GV: …….**  **TUẦN: 23** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**ÔN TẬP CHƯƠNG III (TT)**

**(HĐTNST-B1. Chủ đề : Parabol)**

(Thời lượng: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Hệ thống kiến thức chương III: Giải phương trình bậc nhất hai ẩn, giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế hay phương pháp cộng đại số, từ đó nêu được thêm dấu hiệu nhận biết hệ phương trình bậc nhất hai ẩn khi nào có nghiệm duy nhất, vô nghiệm, vô số nghiệm. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

**2. Năng lực :**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*:

+ Tư duy lập luận giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.

+ Tính và giải quyết vấn đề giải hệ phương trình bằng phương pháp thế hay phương pháp cộng đại

**3. Phẩm chất:**Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán, ti vi,...

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS nhớ lại được kiến thức đã học của chương.

**b) Nội dung:**

- Nêu phương pháp giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số ?

- Nêucác bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình ?

**c) Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- Nêu phương pháp giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số ?

- Nêucác bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình ?

HS: Trả lời:

- Nêu được phương pháp giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số.

- Nêuđược các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

Gv dẫn dắt vào bài mới.

**B.** **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Giải hệ phương trình.**

**a) Mục tiêu:** HS giải được hệ phương trình.

**b) Nội dung:** Làm bài tập 41 (SGK)

**c) Sản phẩm:** HS làm bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm tìm hiểu và thực hiện bài tập 41 (SGK)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Các nhóm cử đại diện trình bày (viết) cách thực hiện bài tập 41 (SGK).  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 41 (SGK)**      Vậy, hệ đã cho có một nghiệm là: (;)  b) Đặt , khi đó hệ đã cho trở thành:    Do đó hệ đã cho tương đương : |

**Hoạt động 2:** Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

**b) Nội dung:** Làm bài tập 43 (SGK).

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên yêu cầu HS hoạt động theo nhóm nghiên cứu rồi thực hiện Bài 43/SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Cử đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 43 / SGK**  Gọi vận tốc của người xuất phát từ A là v1 (m/phút), của người từ B là v2 (m/phút) (đk: v1 , v2 > 0). Khi gặp nhau tại điểm cách A 2 km, người xuất phát từ A đi được 2000 m, người xuất phát từ B đi được 1600 m. Ta có phương trình:  (1)  Khi người đi từ B xuất phát trước người kia 6 phút thì hai người gặp nhau ở điểm chính giữa đoạn đường , tức là mỗi người đi được 1,8 km = 1800 m. Ta có phương trình:  (2)  Đặt x =  và y = , ta có hệ phương trình:  ⇒ v1 = 75 ; v2 = 60 |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG.**

**a) Mục tiêu:** Hs giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình với dạng toán năng suất.

**b) Nội dung:** HS làm Bài 45/sgk

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên yêu cầu HS hoạt động theo nhóm nghiên cứu rồi thực hiện Bài 45/SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Cử đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài 45/sgk**  Với năng suất ban đầu, giả sử đội I hoàn thành xong công việc trong x ngày, đội II làm xong công việc trong y ngày (x, y nguyên dương).  Theo dự định hai đội hoàn thành công việc trong 12 ngày nên ta có phương trình:  Trong 8 ngày cả hai đội làm được  (công việc), còn lại  công việc do đội II đảm nhiệm. Do năng suất gấp đôi nên đội II làm mỗi ngày được công việc và họ hoàn thành nốt công việc nói trên trong 3,5 ngày. Do đó ta có phương trình:  Từ đó ta có hệ phương trình:  KL: Đội I : 28 ngày, đội II : 21 ngày. |

**Hướng dẫn về nhà**

* Làm lại các bài tập .
* Đọc trước bài mới

**\*HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO (B1)**

- GV Nhắc học sinh chuẩn bị các thiết bị, vật tư cần thiết

- GV chia nhóm yêu cầu HS chuẩn bị các nội dung sau ở nhà theo hướng dẫn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Hoạt động 1: **Diện tích tam giác vuông cân**  ( cá nhân thực hiện )  Hoạt động 2: **Diện tích tam giác cân có góc ở đỉnh 300**  ( nhóm thực hiện )  Hoạt động 3 : **Diện tích hình tròn**  ( nhóm thực hiện ) | 1. – HS vẽ tam giác vuông cân có cạnh bằng x ( x>0 ). Diện tích S = ½ x2 2. – Điền được kết quả diện tích khi cho x các giá trị : 0,5; 1;1,5; 2; 2,5; 3; 3,5; 4; 4,5 ; 5 3. – Biểu diễn được các cặp giá trị ( x; S(x)) lên hệ toạ độ Oxy 4. – Vẽ được đường cong đi qua các điểm vừa biểu diễn 5. – Cắt 10 tam giác cân có góc ở đỉnh **300** và có kích cỡ khác nhau 6. – Đo độ dài cạnh bên và tính diện tích các tam giác nói trên 7. – Điền số liệu diện tích S (cm2) tương ứng với 10 giá trị cạnh bên x( cm )   – Biểu diễn được các cặp giá trị ( x; S(x)) lên hệ toạ độ Oxy  – Vẽ được đường cong đi qua các điểm vừa biểu diễn  - GV chu trình tạo thành vòng gỗ trong từng thân gỗ . Ranh giới giữa 2 vòng liên tiếp có thể coi như 1 đường tròn và các đường tròn này đồng tâm. Bán kính của đường tròn thứ x là x (cm) và diện tích của nó là S (x) = II x2   1. – HS điền được giá trị của S (x) theo x lấn lượt là: 1,2,3,4,5,6,7,8   – Biểu diễn được các cặp giá trị ( x; S(x)) lên hệ toạ độ Oxy  – Vẽ được đường cong đi qua các điểm vừa biểu diễn |

.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG …….**  **TỔ: TOÁN** | **GV: …….**  **TUẦN: 23, 24, 25** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**CHỦ ĐỀ: HÀM SỐ y = ax2 ( a 0)**

**(HĐTNST-B2,3. Chủ đề : Parabol)**

(Thời lượng: 4 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được hàm số dạng y = ax2 (a 0), các tính chất hàm số y = ax2

- Biết cách tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số. Dạng của đồ thị hàm số y = ax2 (a 0). Hiểu được tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất hàm số. Vẽ được đồ thị.

**2. Năng lực :**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính. NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*:

+ Tư duy lập luận giải bài toán tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất hàm số

+ Tính tính giá trị hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số. Vẽ được đồ thị.

**3. Phẩm chất:**Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sách giáo khoa, tivi (máy chiếu, bảng phụ), phiếu học tập

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG (MỞ ĐẦU): Ví dụ mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Hs nêu được khái niệm về hàm số y = ax2.

**b) Nội dung:** Làm các ví dụ mở đầu (SGK)

**c) Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Yêu cầu HS hoạt động cá nhân tìm hiểu ví dụ mở đầu (SGK)

HS: Trả lời:

Ví dụ mở đầu: (sgk)

- Quãng đường chuyển động rơi tự do được biểu diễn bởi công thức : s = 5t2 .

t là thời gian tính bằng giấy (s), s tính bằng mét( m) , mỗi giá trị của t xác định giá trị tư­ơng ứng duy nhất của s .

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| t | 1 | 2 | 3 | 4 |
| s | 5 | 20 | 45 | 80 |

s1= 5.12 = 5 ; s4 = 5.42 = 80

- Công thức = 5t2  biểu thị một hàm số dạng y = ax2 ( với a ≠ 0 )

Gv dẫn dắt vào bài mới.

**B.** **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tính chất của hàm số y = ax2 (a ≠ 0).**

**a) Mục tiêu:** Hs nêu được tính chất của hàm số y = ax2 từ ví dụ cụ thể.

**b) Nội dung:**

- Làm ?1, ?2(SGK) và tìm hiểu tính chất của hàm số y = ax2

- Làm ?3, ?4(SGK) và tìm hiểu nhận xét.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu Học sinh hoạt động nhóm tìm hiểu và thực hiện ?1, ?2, ?3, ?4 (SGK) và cá nhân tìm hiểu tính chất, nhận xét (SGK)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Các nhóm trình bày (viết) cách thực hiện ?1, ?2, ?3, ?4 (SGK), một số học HS nêu tính chất, nhận xét (SGK) bằng cách thuyết trình.  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | Kết quả **?1 (** SGK)  **?2(** SGK)  **\*** Đối với hàm số y = 2x2  –*Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y giảm*  *-Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y tăng*  **\*** Đối với hàm số y = - 2x2  –*Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y tăng*  *-Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y giảm*  TÍNH CHẤT: (*sgk*)  **?3**  \* Xét hàm số : y = 2x2  Vì 2x2 luôn luôn dương với mọi x 0 nên khi x 0 thì y > 0. Khi x = 0 thì y = 0  \* Xét hàm số : y = - 2x2  Vì -2x2 luôn luôn âm với mọi x 0 nên khi x 0 thì y < 0. Khi x = 0 thì y = 0  \****Nhận xét*:**(sgk)  Kết quả **?4** SGK |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu dạng đồ thị hàm số y = ax2.**

**a) Mục tiêu:** Hs nêu được dạng của đồ thị hàm số y = ax2 là một đường cong đi qua gốc tọa độ.

**b) Nội dung:** Tìm hiểu ví dụ 1 (SGK)

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân tìm hiểu và thực hiện ví dụ 1 (SGK)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Các cá nhân trình bày (viết) cách thực hiện ví dụ 1 (SGK)  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | ví dụ 1 (SGK)  Đồ thị của hàm số y = 2x2 (a = 2 > 0)  \* Bảng giá trị (sgk.tr33)  - Đồ thị của hàm số y = 2x2 nằm phía trên trục hoành, nhận Oy làm trục đối xứng và điểm O(0; 0) làm cực tiểu. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2.**

**a) Mục tiêu:** Hs vẽ được đồ thị hàm số y = ax2.

**b) Nội dung:**

- Tìm hiểu nhận xét và chú ý (SGK)

- Làm ví dụ 2 và ?3 (SGK)

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân tìm hiểu nhận xét và chú ý (SGK) và hoạt động nhóm thực hiện ví dụ 2 và ?3 (SGK)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Các nhóm trình bày (viết) cách thực hiện ví dụ 2 và ?3 (SGK), một số HS trình bày nhận xét và chú ý (SGK) bằng cách thuyết trình.  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | Ví dụ 2 (SGK)  Đồ thị của hàm số y = -x2 (a = -< 0)  \* Bảng giá trị (sgk.tr34)  - Đồ thị của hàm số y = -x2 nằm phía dưới trục hoành, nhận Oy làm trục đối xứng và điểm O(0; 0) làm cực đại    \*  **Nhận xét** (sgk.tr35)  **?3** Cho hàm số : y = x2  a) Với x = 3, ta có: y = .32 = 4,5  b) Có hai điểm: Ước lượng: x- 3,16 và x  3,16  \* **Chú ý**:(sgk.tr35) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP.**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng công thức của các hàm số dạng y = ax2 để tính các đại lượng có trong công thức.

**b) Nội dung:** HS làm Bài 6/sgk.tr38, Bài 7/sgk.tr38

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên hoạt động theo nhóm nghiên cứu rồi thực hiện Bài 6/SGK vàBài 7/SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Cử đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 6/sgk.tr38** :  Cho hàm số y = x2   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y = x2 | 4 | 1 | 0 | 1 | 4 |   b) f(-8) = (-8)2 = 64 f( - 1,3) = ( -1,3)2 f(- 0,75) = (-0,75)2 = f(1,5) = (1,5)2 = 2,25  **Bài tập 7/sgk.tr38 :**  a) M(2; 1) ⇒ x = 2; y = 1. Thay x = 2; y = 1 vào hàm số y = ax2 ta có: 1 = a.22 ⇒ a =  b) Với a = ⇒ y =x2 vì A(4; 4) ⇒ x = 4; y = 4  Khi x = 4 thì: x2 = .42 = 4 = y ⇒ A(4; 4) thuộc đồ thị hàm số y = x2  c) Lấy 2 điểm nữa không kể điểm O thuộc đồ thị là: M’(-2; 1); A’(-4; 4)  Điểm M’ đối xứng với M qua Oy  Điểm A’ đối xứng với A qua Oy  \* Đồ thị hàm số y = x2 đi qua các điểm A; A’; O; M; M’ như hình vẽ:  5  f(x)=4  5  Series 1  **x**  **y**  B'  B  A'  A  N  M  M'  6,25  4  2,25  0  -5  -4  -3  -2  2  4  5  \*x  d) x = -3 ⇒ y = x2 =  = 2,25  e) Thay y = 6,25 vào hàm số y = x2 ta có: 6,25 = x2 ⇒ x2 = 25 ⇒ x = 5  ⇒ B(5; 6,25) ; B’(-5; 6,25) là hai điểm cần tìm |

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG.**

**a) Mục tiêu:** Hs vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải các bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS làm Bài tập 9/sgk.tr39

**c) Sản phẩm:** Bài làm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên hoạt động theo nhóm nghiên cứu rồi thực hiện Bài 9/SGK.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả: Cử đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 9/sgk.tr39:**  a)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -1 | 0 | 1 | 3 | | y = x2 | 3 |  | 0 |  | 3 |   Đồ thị hàm số y = - x + 6 là đường thẳng đi qua (0,6) và (6,0) . Đồ thị hàm số y= x2 là parabol nhận Oy làm trục đối xứng nhận O(0 ;0) làm cực tiểu.  f(x)=3  **x**  **y**  B  A'  A  6  3  0  -5  -4  -3  -2  2  4  5  -1  1  3  -6  6  b) Tọa độ giao điểm  của hai đồ thị là:  A(3; 3); B(-6; 12) |

**Hướng dẫn về nhà**

* Làm các bài tập 8,10/tr38,39(sgk), đọc bài đọc thêm (sgk).
* Chuẩn bị ôn tập giữa kỳ II.

**\*HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO (B2, 3)**

GV Yêu cầu HS về nhà thực hiện các hoạt động sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Hoạt động 4: **Mở rộng đường cong.**  Hoạt động 5 : **Liên hệ thực tế** .  Hoạt động 6**: Xác định phương trình quỹ đạo nhảy của cá heo.** | - HS mở rộng đường cong ở hoạt động 1 để được đồ thị của hàm số S(x) = ½ x2  -HS diền các già trị của S ứng với các giá trị của x: 0; -0,5; -1; -1,5; -2; -2;5  – Biểu diễn được các cặp giá trị ( x; S(x)) lên hệ toạ độ Oxy  – Vẽ được đường cong đi qua các điểm vừa biểu diễn  -Dựng các đồ thị cùa hoạt động 2 và 3 theo cách tương tự  -Gv giới thiệu các đường cong vừa dựng là Parabol. Các Parabol đều nhận 0y làm trục đối xứng  -Gv cho hs tím các hình ảnh về Parabol trong thực tế  -GV cho biết quỹ đạo nhảy của cá heo có hình dạng gần giống Parabol . Chọn điểm cao nhất là gốc toạ độ  -HS đo và điền vào bảng toạ độ các điểm trên Parabol với x = 0; -1; 1; -2; 2 … |
| Hoạt động 6: **Xác định phương trình đường nước chảy từ vòi** .  Hoạt động 7: **Về đích.** | -HS lắp 1 đầu ống nhựa vào đầu vòi nước , đầu kia hướng lên trên khi mở nước. Yêu cầu là vòi nước phải chảy đủ mạnh và liên tục  -Đặt bìa ở vị trí thích hợp sao cho có thể vẽ ra được phần đỉnh của đường nước trên tờ bìa  -Mở vòi nước đủ mạnh, điều chỉnh sao cho nước đi song song với tờ bìa. Sau đó từ từ dịch chuyển vòi sao cho dòng nước đi qua đúng mặt phẳng của tờ bìa, để lại 1 vệt nước  -Dựng đường cong ứng với rìa dưới hoặc trên của đường nước lên 1 tờ giấy trắng . Sau đó dựng hệ toạ độ 0xy với 0y là trục đối xứng của đường cong còn gốc toạ độ là điểm cao nhất của đường cong  -GV yêu cầu HS so sánh cả 5 Parabol thu được trong các hoạt động từ 1 đến 6 trên cúng hệ toạ độ và rút ra các kết luận  +KL1: đồ thị cùa hàm số y = ax2 là 1 parabol nhận 0y làm trục đối xứng  -KL2: nếu a > 0 thì parabol có bề lõm hướng lên trên. Nếu a < 0 thì parabol có bề lõm hướng xuống dưới  -KL3: độ rộng hẹp của parabol phụ thuộc vào | a| , | a | càng lớn thì parabol càng hẹp, còn | a | càng nhỏ thì parabol càng rộng |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ………………**  **TỔ: TOÁN** | **GV: .........**  **TUẦN: 25** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**ÔN TẬP GIỮA KỲ II**

(Thời lượng: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình**.**

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải toán.

**2. Năng lực :**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính. NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ.

- *Năng lực chuyên biệt*: Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình để giải.

**3. Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, compa, thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, ti vi.

**2 - HS** : Thực hiện hướng dẫn tiết trước; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS nhớ được lý thuyết của chương.

**b) Nội dung:**

- Nêu các phương pháp giải hệ phương trình ?

- Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình ?

**c) Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Yêu cầu cá nhân HS trả lời các câu hỏi sau:

- Nêu các phương pháp giải hệ phương trình ?

- Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình ?

HS:

- Nêu được các phương pháp giải hệ phương trình.

- các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

GV dẫn dắt vào bài mới.

**B. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS ôn lại giải hệ phương trình và giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

**b) Nội dung:** Làm bài

Bài 1:Giải các hệ phương trình sau

**a )  b)  c) **

Bài 2:Giải bài toán sau bằng cách lập hệ phương trình

Một đám ruộng hình chữ nhật có chu vi 108 m . Ba lần chiều rộng dài hơn hai lần chiều dài là 7 m. Tính diện tích của đám ruộng

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm đôi làm bài tập1, 2:  Bài 1:Giải các hệ phương trình sau  **a )**  **b)**  **c)**  Bài 2:Giải bài toán sau bằng cách lập hệ phương trình  Một đám ruộng hình chữ nhật có chu vi 108 m . Ba lần chiều rộng dài hơn hai lần chiều dài là 7 m. Tính diện tích của đám ruộng.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Thực hiện hoạt động theo yêu cầu của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS cử đại diện nhóm lên báo cáo kết quả bằng cách lên bảng trình bày bài giải.  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài 1: HS giải và được kết quả:**  a)(x;y)=(2;-3)  b) (x;y)=(2;-2)  c) (x;y) = (12;6)  **Bài 2:**  Gọi chiều dài đám ruộng là x (m), chiều rộng là y (m) (ĐK : 0< x;y< 108)  Ta có hệ: 2(x+y) =108  3y - 2x = 7  Giải hệ phương trình đối chiếu ĐK trả lời : Chiều dài 31m; chiều rộng 23 m  Tính diện tích 713(m2) |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS ôn lại giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình dạng chuyển đông.

**b) Nội dung:** Làm bài tËp

*Giải bài toán sau bằng cách lập hệ phương trình:*

Một xe máy dự định đi đều từ A đến B. Nếu tăng vận tốc thêm 20km/h thì thời gian đi giảm 1 giờ. Nếu vận tốc giảm 10km/h thì thời gian đi tăng 1 giờ.

Tìm vận tốc dự định và thời gian dự định ? Từ đó tìm độ dài quãng đường AB ?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu Học sinh hoạt động theo nhóm tìm hiểu bài toán:  Một xe máy dự định đi đều từ A đến B. Nếu tăng vận tốc thêm 20km/h thì thời gian đi giảm 1 giờ. Nếu vận tốc giảm 10km/h thì thời gian đi tăng 1 giờ.  Tìm vận tốc dự định và thời gian dự định ? Từ đó tìm độ dài quãng đường AB ?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Hoạt động theo nhóm và đại diện nhóm trình bày cách làm.  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Cá nhân HS báo cáo kết quả bằng cách trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | Trình bày lời giải đúng, đầy đủ; lập được hệ PT ; giải được :  Vận tốc dự định là 40 km/h  Thời gian dự định là 3 h  Quãng đường AB là 120 km |

***\**  *Hướng dẫn về nhà***

- Làm lại các bài tập.

- Tiết sau tiếp tục ôn tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ………………**  **TỔ: TOÁN** | **GV: .........**  **TUẦN: 26** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**ÔN TẬP GIỮA KỲ II (TT)**

**(HĐTNST-B4. Chủ đề : Parabol)**

(Thời lượng: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức điểm thuộc đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) để tìm giá trị.Vẽ đồ thị hàm số, tìm toạ độ giao điếm của hai hàm số dựa vào đồ thị.

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải toán.

**2. Năng lực :**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính. NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ.

- *Năng lực chuyên biệt*: Dựa vào điểm thuộc đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) để tìm giá trị.Vẽ đồ thị hàm số, tìm toạ độ giao điếm của hai hàm số dựa vào đồ thị.

**3. Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, compa, thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, ti vi.

**2 - HS** : Thực hiện hướng dẫn tiết trước; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS nhớ lại cách vẽ đồ thị hàm số.

**b) Nội dung:** Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) ?

**c) Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Yêu cầu cá nhân HS trả lời các câu hỏi sau:

* Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) ?

HS:

- Nêu được cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) .

GV dẫn dắt vào bài mới.

**B. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS ôn lại giải hệ phương trình và giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

**b) Nội dung:** Làm bài

Bài 1:Đồ thị hàm số y = ax2 đi qua điểm A (2 ; 2) . Tìm giá trị của a ?

Bài 2:Vẽ đồ thịy =  và y = trên cùng một mặt phẳng toạ độ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân làm bài tập1, 2:  Bài 1:Đồ thị hàm số y = ax2 đi qua điểm  A (2 ; 2) . Tìm giá trị của a ?  Bài 2:Vẽ đồ thịy =  và y = trên cùng một mặt phẳng toạ độ.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Thực hiện hoạt động theo yêu cầu của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS hoạt động cá nhân báo cáo kết quả bằng cách lên bảng trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | **Bài 1:**  Vì đồ thị hàm số y = ax2 đi qua điểm  A (2 ; 2)  Ta có: 2 = a. (-2)2  Nên a =  **Bài 2:**  .Vẽ y = . Bảng một số giá trị :   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | - 4 | - 2 | 0 | 2 | 4 | | y | 4 | 1 | 0 | 1 | 4 |   . Vẽ y = . Bảng một số giá trị :   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | - 4 | - 2 | 0 | 2 | 4 | | y | - 4 | - 1 | 0 | - 1 | - 4 |     y    x |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Ôn lại cách vẽ đồ thị và tìm toạ độ giao điểmcủa hai đồ thị.

**b) Nội dung:** Làm bài tËp

a.Vẽ đồ thị hàm số y = x2 và y = -x+6

b. Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị trên.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu Học sinh hoạt động theo nhóm tìm hiểu bài toán:  a.Vẽ đồ thị hàm số y = x2 và y = -x+6  b. Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị trên.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Hoạt động theo nhóm và đại diện nhóm trình bày cách làm.  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Cá nhân HS báo cáo kết quả bằng cách trình bày bài giải.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  + GV chốt lại kiến thức | a)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -1 | 0 | 1 | 3 | | y = x2 | 3 |  | 0 |  | 3 |   Đồ thị hàm số y = - x + 6 là đường thẳng đi qua (0,6) và (6,0) . Đồ thị hàm số y= x2 là parabol nhận Oy làm trục đối xứng nhận O(0 ;0) làm cực tiểu.  f(x)=3  **x**  **y**  B  A'  A  6  3  0  -5  -4  -3  -2  2  4  5  -1  1  3  -6  6  b) Tọa độ giao điểm  của hai đồ thị là:  A(3; 3); B(-6; 12) |

***\**  *Hướng dẫn về nhà***

- Làm lại các bài tập.

- Tiết sau kiểm tra giữa kỳ II.

**D .HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO (B4)**

**Hoạt động 1 : HS báo cáo kết quả hoạt động trải nghiệm**

GV cho HS các nhóm báo cáo kết quả giáo viên đã giao ở các tiết trước theo mẫu

**Hoạt động 2: Nhận xét – Kết luận**

- GV đánh giá các sản phẩm của HS : các điểm lấy trên hệ toạ độ , việc vẽ chính xác parabol, nêu được các ứng dụng của parabol trong thực tế, sự tham gia tích cực của các thành viên trong từng nhóm

-HS: tự đánh giá cá nhân về đóng góp của mình, cả nhóm thống nhất tự đánh giá của các thành viên trong nhóm.

**Điểm đánh giá:**

* 3: Tốt hơn các thành viên trong nhóm
* 2: Trung bình
* 1: Không tốt bằng các thành viên trong nhóm
* 0: Không giúp gì cho nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên HS | Nhiệt tình trách nhiệm | Tinh thần hợp tác, tôn trọng, lắng nghe | Tham gia tổ chức, quản lý nhóm | Đưa ra ý kiến co giá trị | Đóng góp trong việc hoàn thành sản phẩm | Hiệu quả công việc | Tổng điểm |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |